BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 115 /QĐ-BNN-TCLN	*Hà Nội, ngày 04 tháng 01 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

V/v Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Dự án thành phần "Trồng, bảo vệ và phát triển rừng tại Trường Cao đẳng Công nghệ và Nông lâm Nam Bộ" Thuộc dự án "Trồng, bảo vệ và phát triển rừng"

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2022/QH15; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14 và Luật số 62/QH14 ngày 17/6 /2020; Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14; Luật Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 10/2021 /NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng và số 06/2021/ NĐ-CP ngày 26/01/2021 về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/200 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ các Quyết định số 3096/QĐ-BNN-KH ngày 15/7/2021 và số 3082/QĐ-BNN-KH ngày 15/8/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Phê duyệt và điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án "Trồng, bảo vệ và phát triển rừng";

Xét đề nghị của Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam tại Tờ trình số 440/TTr-KHLN-KH ngày 22/8/2022 và Trường Cao đẳng Công nghệ và Nông lâm Nam Bộ Tờ trình số 150/TTr-CĐCNNLNB ngày 04/11/2022 trình thẩm định, phê duyệt dự án thành phần "Trồng, bảo vệ và phát triển rừng tại Trường Cao đẳng Công nghệ và Nông lâm Nam Bộ" Thuộc dự án "Trồng, bảo vệ và phát triển rừng";

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp (tại Báo cáo kết quả thẩm định số 2124/BC-TCLN-KHTC ngày 15/12/2022 và Vụ trưởng Vụ Kế hoạch.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng dự án thành phần (DATP) "Trồng, bảo vệ và phát triển rừng tại Trường Cao đẳng Công nghệ và Nông lâm Nam Bộ" với các nội dung chính như sau:

1. Tên dự án: dự án thành phần "Trồng, bảo vệ và phát triển rừng tại Trường Cao đẳng Công nghệ và Nông lâm Nam Bộ" thuộc dự án "Trồng, bảo vệ và phát triển rừng".

2. Loại, nhóm dự án, cấp công trình:

- Loại dự án: Dự án đầu tư xây dựng công trình phục vụ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Nhóm dự án: Nhóm C;

- Cấp công trình: Cấp III;

3. Người quyết định đầu tư: Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn.

4. Đơn vị được giao chuẩn bị dự án: Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam.

5. Chủ đầu tư DATP (từ giai đoạn thực hiện dự án đến kết thúc xây dựng): Trường Cao đẳng Công nghệ và Nông lâm Nam Bộ.

6. Tổ chức lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: Liên danh Công ty Cổ phần tư vấn và đầu tư xây dựng phát triển nông thôn, Công ty TNHH GCF Việt Nam, Công ty cổ phần Quang Minh Phát Gia Lai.

Chủ nhiệm dự án: Kiến trúc sư Nguyễn Tiến Đạt.

7. Mục tiêu đầu tư: Quản lý bảo vệ và phát triển rừng bền vững 345,5 ha rừng do Trường Cao đẳng Công nghệ và Nông lâm Nam Bộ được giao quản lý, nâng cao độ che phủ của rừng, cải thiện môi trường sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học và lưu giữ nguồn nước.

8. Địa điểm đầu tư: tỉnh Bình Dương, và tỉnh Kon Tum.

9. Quy mô, nội dung đầu tư và các giải pháp thiết kế cơ sở chủ yếu:

a) Quy mô, nội dung đầu tư:

- Trồng mới 10ha rừng các loại cây gỗ lớn;

- Cải tạo, nâng cấp 2,2 km đường phục vụ quản lý, bảo vệ rừng; 01 cầu treo bắc qua suối;

- Xây dựng 01 nhà quản lý, bảo vệ rừng.

b) Các giải phát thiết kế cơ sở chủ yếu:

* Trồng mới 10ha rừng các loại cây gỗ lớn:

- Thiết kế trồng 10ha các loại cây gỗ lớn tại Cơ sở 2 (huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương) diện tích đất do Trường Cao đẳng Công nghệ và Nông lâm Nam Bộ quản lý.

- Trồng các loài cây: Giáng hương, Gõ đỏ, Keo lá tràm.

* Cải tạo, nâng cấp 2,2 km đường phục vụ quản lý:

Cải tạo, nâng cấp đường quản lý, bảo vệ rừng tại cơ sở 2 (huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương), chiều dài tuyến L=2.123m.

- Phương án tuyến: Cơ bản bản bám theo đường cũ, có điều chỉnh nâng cao độ đường đỏ một số đoạn để giảm khối lượng đào nền; đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật.

+ Cấp hạng tuyến đường: Đường GTNT cấp B.

+ Vận tốc thiết kế: 20km/h.

+ Nền đường: Bnền=4,0m; đào, đào, đắp mở rộng nền đường đạt tiêu chuẩn thiết kế, độ đầm chặt K≥0,95; lớp đất dày 50cm dưới đáy áo đường K≥0,98.

+ Mặt đường: Bmặt=3,0m, kết cấu mặt đường bằng bê tông xi măng M250 dày 16cm, móng cấp phối đá dăm.

+ Lề đường: Blề= 2x0,5m, lề không gia cố, độ dốc Ilề=4%, độ đầm chặt K≥0,95.

+ Rãnh dọc: tại các đoạn đắp thấp và nền đào, thiết kế đào đất tạo rãnh dọc dạng hình thang.

- Công trình thoát nước: bằng BTXM và BTCT. Tải trọng tính toán: H30 – XB80, tần suất thiết kế P=10%.

* Xây dựng 01 cầu treo qua suối (tại cơ sở 3, huyện Kon Plong, tỉnh Kon Tum):

- Thiết kế: cầu treo dây võng một nhịp treo $L_{nhịp}$= 40 m, chiều dài toàn cầu tính đến đuôi mố neo 76,2m; Tải trọng thiết kế bộ hành 3KN/m^2; hoạt tải xe máy 0,5T; bề rộng cầu B=2,0m; hệ dầm dọc, dầm ngang mặt cầu bằng thép hình, mặt cầu bằng tôn nhám liên kết với hệ thép hộp; tay vịn, lan can bằng thép hình và thép tròn trơn.

- Trắc dọc thiết kế cao độ đáy mặt cầu điểm cao nhất: +1.213,73m; điểm thấp nhất: +1.213,13m.

+ Độ võng tĩnh của dây (do toàn bộ tĩnh tải) f_o= 4m.

+ Độ vồng ngược mặt cầu f = 0,60m.

+ Khoảng cách giữa tim hai cáp chủ trên đỉnh tháp B=2,9m.

+ Khổ cầu: B_1 = 2,0m.

+ Chiều rộng cầu (khoảng cách tim 2 dây treo theo phương ngang cầu tại vị trí liên kết với dầm ngang): B = 2,65m.

- Hệ trụ cổng cầu: Bằng thép hình 2I200 cao 4,563m (tính từ mặt mố đến đỉnh trụ) liên kết với mặt thân trụ bằng mặt bích và hệ thống bu lông neo. Hai cột cổng liên kết với nhau bằng các thanh giằng thép chữ C. Trên đỉnh trụ tháp bố trí Puly thép để dẫn hướng cáp chủ, có bố trí kim thu sét trên cột cổng cầu.

- Cáp chủ chịu lực gồm 04 sợi cáp ∅32 (cáp lõi thép) mỗi bên 02 sợi, (lực kéo đứt một sợi là 64,3 tấn). Liên kết đầu cáp với mố neo thông qua hệ thống thanh neo bằng thép bản và thép hình.

- Hệ dây treo mặt cầu bằng thép tròn trơn ∅14 (chiều dài thay đổi theo đường cong cáp chủ) và thanh ren M20, chiều dài 0,4m liên kết với dầm ngang để điều chỉnh cao độ hệ mặt cầu.

- Chống sóng dọc hệ mặt cầu bằng 2 sợi cáp ∅ 24 (cáp lõi thép), bố trí liên kết trên mặt dầm ngang bằng các bu lông, theo độ vồng mặt cầu. Hai đầu cáp liên kết với mố cầu thông qua qua hệ thống thanh neo chôn sẵn trong bê tông bằng thép tấm.

- Đường dẫn 2 đầu cầu: Tận dụng hệ thống đường đất đã có nâng cấp làm mặt đường bê tông mác 200 dày 15cm. Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống biển báo theo Quy chuẩn quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN41:2019.

* Xây dựng 01 nhà quản lý, bảo vệ rừng (tại cơ sở 3 huyện Kon Plong, tỉnh Kon Tum).

- Kiến trúc: công trình xây dựng cấp IV, 01 tầng; mặt bằng bố trí 01 phòng làm việc 19m2 và 02 phòng ở 24m2, 02 phòng làm việc 24m2 có vệ sinh khép kín; hành lang hiên trước rộng 1,5m, cao độ nền nhà +0,45m so với sân, cao độ đỉnh mái +5,400m. các phòng ở, phòng làm việc bố trí vệ sinh khép kín.

- Kết cấu: là hệ móng băng bê tông cốt thép. Dầm móng, cột, dầm mái, giằng thu hồi, sàn mái bằng BTCT. Tường xây gạch bê tông không nung. Mái lợp tôn múi, xà gồ thép hình. Nền nhà đổ bê tông xi măng.

- Hoàn thiện: Nền các phòng lát gạch ceramic. Tường trong và ngoài nhà trát vữa XM, sơn nước không bả. Tường trong nhà vệ sinh ốp gạch ceramic. Hệ thống cửa đi, cửa sổ bằng khung nhôm, kính an toàn.

- Hạ tầng kỹ thuật trong nhà:

+ Cấp điện trong nhà dùng: Dây đi ngầm, luồn trong ống nhựa mềm. Lắp đặt các thiết bị và phụ kiện điện kèm theo.

+ Chống sét: Dùng kim thu sét lắp đặt trên đỉnh mái, hệ thống tiếp địa theo quy định.

+ Cấp, thoát nước trong nhà dùng ống nhựa chôn ngầm; lắp đặt bồn nước inox, các thiết bị và phụ kiện kèm theo.

10. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được áp dụng:

a) Số bước thiết kế: 02 bước, thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công.

b) Danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn chủ yếu được áp dụng:

- Các quy chuẩn kỹ thuật: QCVN 03: 2012/BXD về nguyên tắc phân loại, phân cấp công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật đô thị, QCVN 01: 2008/BCT về an toàn điện;

- Các tiêu chuẩn thiết kế xây dựng: TCVN 2737: 1995 Tải trọng và tác động, TCVN 9379: 2012 Kết cấu xây dựng và nền, TCVN 9362:2012 Nền nhà và công trình, TCVN 5574: 2018 Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép, TCVN 5573: 2011 Kết cấu gạch đá và gạch đá có cốt thép, TCVN 5575:2012 Kết cấu thép; TCVN 7025: 2002: Đường giao thông nông thôn – Yêu cầu thiết kế; TCVN 9436:2012: Nền đường ô tô – Thi công và nghiệm thu; 22TCN 272-05 Tiêu chuẩn thiết kế cầu; 22TCN 280-01 Tiêu chuẩn kỹ thuật hàn cầu thép.

- Các quy chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn xây dựng khác có liên quan.

11. Tổng mức đầu tư

Tổng mức đầu tư của dự án là: 10.000.000.000 đồng.

(Bằng chữ: Mười tỷ đồng)

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	6.680.040.000	đồng
- Chi phí trồng rừng:	962.351.000	đồng
- Chi phí quản lý dự án:	249.371.000	đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư:	649.821.000	đồng
- Chi phí khác:	167.412.000	đồng
- Chi phí dự phòng:	1.291.005.000	đồng

(Chi tiết tại phụ lục kèm theo)

12. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách Nhà nước (trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 do Bộ Nông nghiệp và PTNT được giao quản lý).

13. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Thuê tổ chức tư vấn quản lý dự án.

14. Tiến độ thực hiện dự án: 3 năm.

Điều 2. Phân giao nhiệm vụ:

a) Viện khoa học Lâm nghiệp Việt Nam (Đơn vị được giao chuẩn bị dự án):

- Đầu mối, chủ trì tổng hợp trình Bộ điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án (nếu có) và tổng hợp báo cáo Bộ các nội dung liên quan về tình hình thực hiện dự án, đảm bảo tính tổng thể, đồng bộ toàn dự án:

- Chủ trì hoàn thiện hồ sơ, trình quyết toán các chi phí chuẩn bị dự án theo quy định;

- Cung cấp các hồ sơ tài liệu có liên quan ở giai đoạn chuẩn bị dự án cho Chủ đầu tư DATP có liên quan;

- Hoàn chỉnh hồ sơ báo cáo nghiên cứu khả thi theo nội dung được duyệt tại Quyết định này và các ý kiến thẩm định tại báo cáo kết quả thẩm định của Tổng cục Lâm nghiệp;

- Thực hiện lưu trữ hồ sơ giai đoạn chuẩn bị dự án theo quy định.

b) Trường Cao đẳng Công nghệ và Nông lâm Nam Bộ (Chủ đầu tư DATP từ giai đoạn thực hiện đến kết thúc dự án):

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và Bộ trưởng về việc quản lý và thực hiện nhiệm vụ chủ đầu tư DATP theo quy định;

- Tổ chức quản lý và thực hiện DATP theo nội dung Quyết định phê duyệt dự án và các quy định hiện hành của Nhà nước, của địa phương về quản lý dự án, quản lý chi phí đầu tư, quản lý chất lượng công trình xây dựng, đảm bảo an toàn, đưa công trình vào khai thác sử dụng đúng mục đích, an toàn, có hiệu quả;

- Trình Bộ (qua Tổng cục Lâm nghiệp) thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu DATP phù hợp với kế hoạch thực hiện và nguồn vốn được cấp; tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt và các quy định có liên quan;

- Tổ chức lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, thiết kế trồng rừng trình Tổng cục Lâm nghiệp thẩm định theo quy định trước khi phê duyệt; lưu ý các ý kiến thẩm định nêu trong báo cáo kết quả thẩm định của Tổng cục Lâm nghiệp;

- Làm việc với các cơ quan quản lý xây dựng, cấp điện, cấp, thoát nước và vệ sinh môi trường... tại địa phương về các thủ tục có liên quan theo quy định (nếu cần);

- Lập hồ sơ thanh quyết toán các chi phí giai đoạn thực hiện dự án và kết thúc xây dựng DATP theo quy định.

c) Vụ Kế hoạch: Tham mưu Bộ bố trí nguồn vốn ngân sách theo tiến độ thực hiện DATP và kế hoạch vốn trung hạn được duyệt;

d) Vụ Tài chính: Chủ trì quyết toán hoàn thành DATP;

e) Tổng cục Lâm nghiệp: Thực hiện nhiệm vụ cơ quan chủ trì thẩm định; thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước giúp Bộ trưởng hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra Chủ đầu tư tổ chức quản lý, thực hiện dự án và DATP; thẩm định, trình Bộ phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu DATP phù hợp với kế hoạch thực hiện và nguồn vốn được cấp;

f) Cục Quản lý xây dựng công trình: phối hợp trong quá trình thực hiện dự án khi có yêu cầu của đơn vị chủ trì thẩm định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký Chánh Văn phòng Bộ, Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp, Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng công trình; Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch, Tài chính; Giám đốc Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam, Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghệ và Nông lâm Nam Bộ và Thủ trưởng cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TTr Nguyễn Quốc Trị;
- Kho bạc NN nơi giao dịch;
- Lưu: VT, TCLN.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Nguyễn Hoàng Hiệp

Phụ lục
TỔNG MỨC ĐẦU TƯ
Dự án thành phần: "Trồng, bảo vệ phát triển rừng tại trường Cao đẳng Công nghệ và Nông lâm Nam Bộ"

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNN-TCLN ngày tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung chi phí	Giá trị
	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	**10.000.000.000**
I	**CHI PHÍ XÂY DỰNG**	**6.680.040.000**
1	Cải tạo, nâng cấp đường quản lý, bảo vệ rừng	2.495.807.000
2	Cầu treo bắc qua suối	2.663.094.000
3	Xây dựng nhà quản lý, bảo vệ rừng	1.521.139.000
II	**CHI PHÍ TRỒNG RỪNG**	**962.351.000**
	Trồng mới 10ha rừng các loài cây gỗ lớn	962.350.600
III	**CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN**	**249.371.000**
1	QLDA giai đoạn chuẩn bị đầu tư	8.075.000
2	QLDA giai đoạn thực hiện đầu tư	241.296.000
IV	**CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG**	**649.821.000**
	Giai đoạn chuẩn bị dự án	***132.716.000***
1	Chi phí khảo sát giai đoạn lập BCNCKT	67.831.802
2	Chi phí giám sát khảo sát giai đoạn lập BCNCKT	7.874.677
3	Chi phí lập báo cáo nghiên cứu khả thi	52.413.000
4	Chi phí tư vấn lựa chọn nhà thầu khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi	1.594.000
5	Thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi	3.003.000
	Giai đoạn thực hiện dự án và kết thúc xây dựng	***517.105.000***
1	Chi phí khảo sát giai đoạn TKBVTC	67.831.802
2	Chi phí giám sát khảo sát giai đoạn lập TKBVTC	2.762.111
3	Chi phí thiết kế bản vẽ thi công, dự toán công trình	215.917.168
-	*Thiết kế BVTC các hạng mục công trình BVR*	*195.057.168*
-	*Thiết kế BVTC các hạng mục trồng rừng*	*20.860.000*
4	Chi phí lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng	28.857.773
5	Chi phí thẩm định HSMT và kết quả lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng	3.340.020
6	Chi phí giám sát thi công XD công trình	173.547.000
7	Thẩm tra TKBVTC	12.625.000
8	Thẩm tra Dự toán	12.224.000
V	**CHI PHÍ KHÁC**	**167.412.000**

STT	Nội dung chi phí	Giá trị
1	Phí thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi	1.039.000
2	Chi phí Kiểm toán	63.265.166
3	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	51.818.182
4	Phí thẩm định thiết kế kỹ thuật	10.020.000
5	Phí thẩm định dự toán xây dựng	9.716.000
6	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu	31.554.000
VI	**CHI PHÍ DỰ PHÒNG**	**1.291.005.000**